

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC  
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
MST: 4500140073

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM**

**Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi  
Ninh Thuận**

**Năm báo cáo 2015**

Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu số B02-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Bản thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu số B09-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ý kiến kiểm toán

*( các biểu mẫu kèm phụ lục )*



**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Văn Hường**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>26.460.705.553</b>	<b>25.615.039.987</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>25.619.274.610</b>	<b>22.183.703.620</b>
111	1 Tiền		1.619.274.610	1.183.703.620
112	2 Các khoản tương đương tiền		24.000.000.000	21.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>514.562.966</b>	<b>3.142.434.757</b>
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	137.688.431	2.232.146.958
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	10.000.000	43.444.026
136	6 Phải thu ngắn hạn khác	V.4	366.874.535	866.843.773
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.5	<b>129.594.993</b>	<b>216.034.989</b>
141	1 Hàng tồn kho		129.594.993	241.962.989
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(25.928.000)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>197.272.984</b>	<b>72.866.621</b>
153	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.6	197.272.984	72.866.621
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.725.051.764.834</b>	<b>1.682.706.243.808</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.724.925.399.918</b>	<b>1.682.191.112.085</b>
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.7	1.724.925.399.918	1.682.191.112.085
222	- Nguyên giá		1.784.611.179.662	1.740.690.941.401
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.685.779.744)	(58.499.829.316)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	<b>293.862.764</b>
242	2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	-	293.862.764
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>126.364.916</b>	<b>221.268.959</b>
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.9	126.364.916	221.268.959
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.751.512.470.387</b>	<b>1.708.321.283.795</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>16.492.908.998</b>	<b>18.478.845.285</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>16.492.908.998</b>	<b>18.478.845.285</b>
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	5.055.614.110	8.257.847.824
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	2.082.697.437	-
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	321.008.905	207.315.076
314	4 Phải trả người lao động	V.13	4.953.783.334	3.610.608.173
315	5 Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	33.000.000	1.497.029.357
319	9 Phải trả ngắn hạn khác	V.15	26.861.107	329.934.010
322	12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	4.019.944.105	4.576.110.845
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
400	<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.735.019.561.389</b>	<b>1.689.842.438.510</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.17	<b>1.735.019.561.389</b>	<b>1.689.842.438.510</b>
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu	V.17.1	1.729.875.967.773	1.685.997.333.753
421	11 Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.17.2	5.112.322.544	3.813.833.685
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		5.112.322.544	3.813.833.685
422	12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.17.3	31.271.072	31.271.072
430	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.751.512.470.387</b>	<b>1.708.321.283.795</b>

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Phạm Bảo Thu



Lê Phước



Phạm Văn Hương

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	66.113.172.568	70.732.433.781
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.18	66.113.172.568	70.732.433.781
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.19	59.056.024.596	64.170.720.158
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.057.147.972	6.561.713.623
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.20	1.514.453.868	2.078.985.137
22	7 Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8 Chi phí bán hàng		-	-
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.21	4.087.525.272	5.008.573.427
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.484.076.568	3.632.125.333
31	11 Thu nhập khác	VI.22	1.429.108.222	998.898.039
32	12 Chi phí khác	VI.23	25.268.609	31.843.730
40	13 Lợi nhuận khác		1.403.839.613	967.054.309
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.887.916.181	4.599.179.642
51	15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.24	775.593.637	785.345.957
52	16 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		5.112.322.544	3.813.833.685

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước



Phạm Văn Hương

33841  
CỘNG HÒA  
KIỂM  
N T.  
CHI N  
TP. N  
- T.P

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		71.638.528.166	77.523.271.667
02	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(46.774.166.416)	(44.882.811.285)
03	3 Tiền chi trả cho người lao động		(14.364.713.826)	(22.497.822.693)
05	5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(900.000.000)	(1.504.339.578)
06	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.848.025.857	3.445.522.999
07	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.444.070.415)	(11.941.939.369)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.003.603.366</b>	<b>141.881.741</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(77.000.000)	(78.470.000)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		34.222.091	
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(48.000.000.000)	(50.000.000.000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		48.000.000.000	62.000.000.000
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.20	1.474.745.533	2.078.985.137
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>1.431.967.624</b>	<b>14.000.515.137</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.846.437.901)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>(1.846.437.901)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>3.435.570.990</b>	<b>12.295.958.977</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	22.183.703.620	9.887.744.643
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>25.619.274.610</b>	<b>22.183.703.620</b>

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Văn Hương

Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM 2015**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2015 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty").

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Công ích - Sản xuất - Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động công ích: Quản lý, khai thác công trình thủy lợi, thu thủy lợi phí và tiền cung cấp nước.
- Hoạt động kinh doanh: Nhận thầu khảo sát thiết kế, xây dựng cơ bản.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của Công ty trong niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Theo Biên bản đối chiếu ngày 22 tháng 7 năm 2015 với Kiểm toán Nhà nước về tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà Nước về thuế TNDN, thuế TNCN, thuế Tài nguyên và tiền thuê đất năm 2014, Công ty đã ghi nhận các điều chỉnh số liệu vào Báo cáo tài chính năm 2015.

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là "Thông tư 200"): Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp mới (thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính). Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

#### **Hình thức sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của niên độ kế toán trước đối với một số chỉ tiêu phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính niên độ kế toán này.

#### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Riêng các tài sản là cống, đập, kênh mương, hồ...không trích khấu hao Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 và Văn bản số 809/BTC-TCDN ngày 20/1/2015 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc (không bao gồm công trình thủy lợi)	25
- Máy móc và thiết bị	10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
- Tài sản cố định khác	2 – 10

### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 8. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

## 9. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## 10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

## 11. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước.

## 12. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

## 13. Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi; Quỹ Khen thưởng Ban điều hành quản lý) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Quyết định của

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

Chủ tịch Công ty sau khi có kết quả xếp loại doanh nghiệp của Chủ sở hữu. Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

#### ❖ *Doanh thu thủy lợi phí*

Doanh thu thủy lợi phí gồm:

- Doanh thu ngân sách cấp bù miễn thu thủy lợi phí là khoản tiền được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận phê duyệt quyết toán kinh phí cấp bù trên cơ sở nghiệm thu diện tích tưới mà công ty thực hiện được với các tổ chức, cá nhân đơn vị dùng nước theo hợp đồng tưới và nghiệm thu thanh lý diện tích.
- Doanh thu cung cấp nước tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp (thủy lợi phí) là khoản tiền thực tế đã thu được trong năm theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng tưới nước.
- Doanh thu hợp đồng cấp nước cho nhà máy nước sản xuất nước sạch, các nhà máy sản xuất công nghiệp (tiền nước) là khoản tiền được khách hàng chấp nhận thanh toán theo Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng

Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

#### ❖ *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

#### ❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

### 15. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết

Doanh thu HĐXD được ghi nhận theo thỏa thuận với nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện HĐXD được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

### 16. Các khoản chi phí

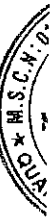
Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 17. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Năm 2015

**18. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt tại quỹ	17.241.212	3.125.799
- Tiền gửi ngân hàng	1.602.033.398	1.180.577.821
- Các khoản tương đương tiền	24.000.000.000	21.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.619.274.610</b>	<b>22.183.703.620</b>
<b>2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
- Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận	-	1.105.476.511
- Công an Tỉnh Ninh Thuận	137.688.431	421.896.265
- BQL Dự án Khai thác công trình thủy lợi	-	674.774.182
- Nguyễn Ngọc Châu	-	30.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>137.688.431</b>	<b>2.232.146.958</b>

8482  
 ĐNG  
 NHIỆM  
 ỀM T  
 I TÀI  
 H NH  
 P. HỒ C  
 T.P.P

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Năm 2015

<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
- Sở Nông nghiệp và PTNT Ninh Thuận	-	8.376.026
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	10.000.000	10.000.000
- Công ty TNHH Thuận Phú	-	25.068.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>43.444.026</b>

**4. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng;	18.900.000	-	45.900.000	-
- Ký cược, ký quỹ	306.948.000	-	819.626.000	-
- Lãi tiền gửi ngân hàng chưa thu	39.708.335	-	-	-
- Phải thu khác	1.318.200	-	1.317.773	-
<b>Cộng</b>	<b>366.874.535</b>	-	<b>866.843.773</b>	-

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	129.594.993	-	238.332.989	25.928.000
- Công cụ, dụng cụ	-	-	3.630.000	-
<b>Cộng</b>	<b>129.594.993</b>	-	<b>241.962.989</b>	<b>25.928.000</b>

<b>6. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước</b>	<b>197.272.984</b>	<b>72.866.621</b>
---	--------------------	-------------------

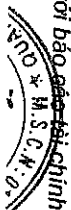
Khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Năm 2015

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
- Số đầu năm	1.737.744.940.354	370.082.855	2.189.277.792	348.640.400	38.000.000	1.740.690.941.401
- Mua trong năm	-	-	-	77.000.000	-	77.000.000
- Tăng do bán giao [1]	43.878.634.020	-	-	-	-	43.878.634.020
- Giảm khác [2]	(35.395.759)	-	-	-	-	(35.395.759)
- Số cuối năm	1.781.588.178.615	370.082.855	2.189.277.792	425.640.400	38.000.000	1.784.611.179.662
<b>Giá trị hao mòn</b>						
- Số đầu năm	56.185.680.669	352.840.855	1.672.492.472	287.545.320	1.270.000	58.499.829.316
- Khấu hao trong năm	1.042.366.228	6.466.000	105.934.160	23.584.040	7.600.000	1.185.950.428
- Số cuối năm	57.228.046.897	359.306.855	1.778.426.632	311.129.360	8.870.000	59.685.779.744
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm	1.681.559.259.685	17.242.000	516.785.320	61.095.080	36.730.000	1.682.191.112.085
- Tại ngày cuối năm	1.724.360.131.718	10.776.000	410.851.160	114.511.040	29.130.000	1.724.925.399.918

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**  
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Năm 2015

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCD không khấu hao (*)</b>							
- Tại ngày đầu năm		1.714.172.571.422					1.714.172.571.422
- Tại ngày cuối năm		<b>1.758.051.205.442</b>					<b>1.758.051.205.442</b>
<b>Nguyên giá TSCD khấu hao hết còn sử dụng</b>							
- Tại ngày đầu năm		327.947.179	337.752.855	1.081.000.000	62.800.000	-	1.809.500.034
- Tại ngày cuối năm		<b>327.947.179</b>	<b>337.752.855</b>	<b>1.129.936.192</b>	<b>131.300.000</b>	-	<b>1.926.936.226</b>

(\*\*) Tài sản do Nhà nước giao phục vụ các công trình thủy lợi theo các Quyết định của UBND Tỉnh Ninh Thuận, không quy định thời gian sử dụng.

[1] Tài sản cố định ghi nhận trong năm theo các Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận về việc bàn giao các công trình thủy lợi, đồng thời ghi tăng nguồn Vốn chủ sở hữu tại Công ty (tham chiếu thuyết minh số V17.1)

[2] Khoản điều chỉnh giảm các nhà làm việc trên các công trình thủy lợi.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
-	Tu sửa rãnh thoát nước và đắp bổ sung mái hạ lưu đập đầu mối Sông Sắt	-	5.837.200	
-	Nạo vét kênh N3 đoạn K0-K0+210 hệ thống thủy lợi Lanh Ra	-	288.025.564	
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>293.862.764</b>	
9. Chi phí trả trước dài hạn				
-	Số đầu năm	221.268.959	661.929.917	
-	Tăng trong năm	250.822.000	265.192.000	
-	Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm	(345.726.043)	(705.852.958)	
-	<b>Số cuối năm</b>	<b>126.364.916</b>	<b>221.268.959</b>	
10. Phải trả người bán ngắn hạn				
		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	
		<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	
		<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	
-	Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Hà Thy	-	146.714.700	146.714.700
-	Vũ Văn Nội	51.837.000	51.837.000	154.436.000
-	Công ty Cổ phần Xây dựng Phan Rang Thành	102.727.576	102.727.576	102.727.576
-	Phùng Quốc Trung	132.505.003	132.505.003	184.799.000
-	Công ty TNHH Ninh Phát	291.647.358	291.647.358	248.107.024
-	Dương Văn Vĩnh	145.112.542	145.112.542	155.536.002
-	Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận	143.858.285	143.858.285	169.284.870
-	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thái Hà	198.292.149	198.292.149	204.942.330
-	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phan Rang	49.510.500	49.510.500	44.806.041
-	Nguyễn Thị Xuân	-	-	47.001.364
-	Doanh nghiệp tư nhân DV và TM Minh Thịnh	71.769.047	71.769.047	61.042.369
-	Công ty CP Thiết kế và Xây dựng DCJ	106.883.678	106.883.678	98.382.437
-	Phùng Đình Thanh	234.423.000	234.423.000	276.107.063



**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

- Nguyễn Vĩnh Phúc	245.993.000	245.993.000	357.305.000	357.305.000
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh	288.995.666	288.995.666	548.627.855	548.627.855
- Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung	279.091.720	279.091.720	1.557.771.921	1.557.771.921
- Nguyễn Văn Bội	1.063.282.355	1.063.282.355	3.106.171.722	3.106.171.722
- Nguyễn Đại Nghĩa	168.256.000	168.256.000	-	-
- Nguyễn Quốc Kỳ	306.717.946	306.717.946	-	-
- Công ty TNHH Thuận Phú	240.439.373	240.439.373	-	-
- Phải trả cho người bán khác	934.271.912	934.271.912	794.084.550	794.084.550
<b>Cộng</b>	<b>5.055.614.110</b>	<b>5.055.614.110</b>	<b>8.257.847.824</b>	<b>8.257.847.824</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Sở Tài chính Tỉnh Ninh Thuận	2.001.719.934	-
- Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận	35.977.503	-
- Nguyễn Ngọc Châu	45.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.082.697.437</b>	<b>-</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	144.550.655	1.023.442.661	878.620.971	289.372.345
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(72.866.621)	775.593.637	900.000.000	(197.272.984)
- Thuế Thu nhập cá nhân	35.979.742	157.527.229	193.506.971	-
- Thuế Tài nguyên	26.784.679	288.569.040	283.717.159	31.636.560
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	77.722.200	77.722.200	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	20.384.382	20.384.382	-
<b>Cộng</b>	<b>134.448.455</b>	<b>2.343.239.149</b>	<b>2.353.951.683</b>	<b>123.735.921</b>
<b>Trong đó</b>				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	207.315.076			321.008.905
- Thuế nộp thừa (*)	(72.866.621)			(197.272.984)

# CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

- (\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh số V.6)

## Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

Thủy lợi phí : Không chịu thuế

Cung cấp nước : 5%

Các hoạt động khác : 10%

## Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập tính thuế.

Công ty được miễn Thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thu tiền thủy lợi phí cấp bù và không cấp bù (trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp) nhưng do không tách được chi phí cho từng hoạt động nên Công ty thực hiện phân bổ chi phí theo tiêu thức doanh thu đối với hoạt động thu tiền thủy lợi phí (cấp bù và không cấp bù), dịch vụ cung cấp nước cho các nhà máy sản xuất nước sinh hoạt, công nghiệp.

## Thuế Tài nguyên

Thuế Tài nguyên được tính cho việc sử dụng nước mặt.

Cách xác định Thuế Tài nguyên nước là:

Lượng nước sử dụng ( $m^3$ ) x giá tính thuế ( $2.000đ/m^3$ ) x thuế suất.

Thuế suất áp dụng:

Sản xuất nước sạch : 1%

Phục vụ sản xuất : 3%

## Tiền thuê đất

Tiền thuê đất phải nộp xác định theo hợp đồng thuê đất số 17/KL/HĐ-TĐ ngày 28/11/2012 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Thuận.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

13. Phải trả người lao động 4.953.783.334 3.610.608.173

Tiền lương và các khoản còn phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.

3848  
CÔNG  
HÀNH  
KIỂM  
TÍNH  
CHI N  
TP. HỒ  
T.P

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

- Trích trước chi phí duy tu, sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi	-	1.463.754.357
- Phí kiểm toán Báo cáo tài chính	33.000.000	33.275.000
<b>Cộng</b>	<b>33.000.000</b>	<b>1.497.029.357</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

- Kinh phí công đoàn	-	6.858.372
- Bảo hiểm xã hội	5.580.122	5.580.122
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.280.985	317.495.516
<b>Cộng</b>	<b>26.861.107</b>	<b>329.934.010</b>

**16. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi**

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ Khen thưởng	3.101.461.844	2.543.647.092	3.724.215.425	1.920.893.511
- Quỹ Phúc lợi	1.474.649.001	1.090.134.469	465.785.000	2.098.998.470
- Quỹ Khen thưởng Ban điều hành quản lý	-	180.052.124	180.000.000	52.124
<b>Cộng</b>	<b>4.576.110.845</b>	<b>3.813.833.685</b>	<b>4.370.000.425</b>	<b>4.019.944.105</b>

**17. Vốn chủ sở hữu**

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
17.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.685.997.333.753	43.878.634.020	-	1.729.875.967.773
17.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.813.833.685	5.112.322.544	3.813.833.685	5.112.322.544
17.3	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	31.271.072	-	-	31.271.072
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.689.842.438.510</b>	<b>48.990.956.564</b>	<b>3.813.833.685</b>	<b>1.735.019.561.389</b>

**17.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong năm do nhận bàn giao Tài sản cố định và phê duyệt tăng giá trị quyết toán các công trình thủy lợi của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

**17.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối năm trước		3.813.833.685
Phân phối lợi nhuận của năm trước (*)		(3.813.833.685)
- Quỹ Khen thưởng	(2.543.647.092)	
- Quỹ Phúc lợi	(1.090.134.469)	
- Quỹ Khen thưởng Ban điều hành quản lý	(180.052.124)	
Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay		-
Lợi nhuận sau thuế năm nay		5.112.322.544
Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau		<u>5.112.322.544</u>

(\*) Theo quyết định số 178/QĐ-CT ngày 29/09/2015 của Chủ tịch Công ty phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2014.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu cung cấp nước	12.027.606.174	11.426.402.853
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.682.377.228	4.082.775.265
- Doanh thu thủy lợi phí (phải thu)	406.949.748	406.819.800
- Doanh thu cấp bù miễn thu thủy lợi phí	47.996.239.418	54.816.435.863
<b>Cộng</b>	<b>66.113.172.568</b>	<b>70.732.433.781</b>
<b>19. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	5.980.807.184	3.814.571.000
- Giá vốn cấp bù thủy lợi phí	53.101.145.412	60.356.149.158
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.928.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>59.056.024.596</b>	<b>64.170.720.158</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

20.	Doanh thu hoạt động tài chính	1.514.453.868	2.078.985.137
	Lãi tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại. Trong đó, khoản lãi cuối năm chưa thu Đồng (thuyết minh số V.4)		
21.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
-	Chi phí nhân viên quản lý	1.836.866.891	2.544.191.997
-	Chi phí vật liệu quản lý	89.409.600	90.926.500
-	Chi phí đồ dùng văn phòng	113.711.276	329.432.598
-	Chi phí khấu hao tài sản cố định	246.667.864	305.021.848
-	Thuế, phí và lệ phí	112.295.863	98.212.088
-	Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.985.575	449.660.646
-	Chi phí bằng tiền khác	1.327.588.203	1.191.127.750
	<b>Cộng</b>	<b>4.087.525.272</b>	<b>5.008.573.427</b>
22.	Thu nhập khác		
-	Thu từ hoạt động thanh lý tài sản	34.222.091	-
-	Thu từ việc tu sửa các công trình thủy lợi	609.875.119	507.988.948
-	Thu tiền nhiên liệu chống hạn từ Sở tài chính Tỉnh Ninh Thuận	556.403.699	450.000.000
-	Thu nhập khác	228.607.313	40.909.091
	<b>Cộng</b>	<b>1.429.108.222</b>	<b>998.898.039</b>
23.	Chi phí khác		
-	Chi phí thanh lý tài sản	3.982.215	12.811.421
-	Điều chỉnh quyết toán các công trình năm trước	7.010.900	15.394.388
-	Vi phạm hành chính về lĩnh vực thuế	14.275.494	-
-	Chi phí khác	-	3.637.921
	<b>Cộng</b>	<b>25.268.609</b>	<b>31.843.730</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

<b>24. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành</b>		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.887.916.181</b>	<b>4.599.179.642</b>
- Cộng (+) Chi phí không được trừ theo Luật thuế	58.899.174	199.270.643
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế do đã tính năm trước.	(168.648.381)	-
- <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.778.166.974</b>	<b>4.798.450.285</b>
<i>Trong đó</i>		
- Thu nhập được miễn thuế TNDN (thuỷ lợi phí)	2.577.184.405	1.228.695.933
- Thu nhập chịu thuế TNDN	3.200.982.569	3.569.754.352
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
- Thuế TNDN theo thuế suất	704.216.165	785.345.957
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN năm 2014 theo kết quả đối chiếu số liệu với Kiểm toán Nhà nước.	71.377.472	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>775.593.637</b>	<b>785.345.957</b>

**VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Thuận giao tài sản cố định với giá trị tài sản 43.878.634.020 Đồng theo Biên bản phê duyệt quyết toán giá trị công trình của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Đồng thời Công ty cũng ghi tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu tương ứng với giá trị nêu trên.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các khoản kinh phí cấp bù thủy lợi phí**

- Doanh thu thủy lợi phí cấp bù được miễn Công ty tính trên cơ sở Quyết định số 2871/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh diện tích tưới miễn thu thủy lợi phí năm 2015 theo từng biện pháp của từng hệ thống công trình; Quyết định 13/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quyết toán kinh phí cấp bù miễn thu thủy lợi phí năm 2015 của công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận là: 47.996.239.418 Đồng.

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

- Doanh thu cấp bù miễn thủy lợi phí được ngân sách thực cấp trong năm 2015 là 50.000.000.000 Đồng, số kinh phí cấp thừa so với quyết định phê duyệt quyết toán của năm 2015 là: 2.003.760.582 Đồng. Theo quy định tại Điều 19 Thông tư 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính số kinh phí này được chuyển sang số cấp phát của năm 2016.
- Số tiền thủy lợi phí ngân sách cấp bù qua các năm, từ năm 2013 trở về trước còn thiếu là 2.040.648 đồng (do số lẽ cộng dồn từ năm 2009, 2010, 2011, 2012 và 2013).

### 2. Thông tin về Quỹ tiền lương năm 2015

- Về việc quyết toán quỹ tiền lương của viên chức quản lý, thủ lao Kiểm soát viên không chuyên trách Công ty căn cứ theo Nghị định 51/2013/NĐ-CP và Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH đã được Hội đồng thẩm định tiền lương Tỉnh thông qua theo biên bản họp ngày 07/01/2016.
- Văn bản số 306/UBND-TH ngày 26/01/2016 của UBND Tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quỹ lương, thủ lao viên chức quản lý năm 2015 của công ty Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận để chi trả. Theo đó, tổng quỹ lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2015 là 1.042.027.600 Đồng; tổng quỹ thủ lao thực hiện của kiểm soát viên không chuyên trách năm 2015 là 63.216.880 Đồng.
- Tiền lương người lao động thực hiện theo Nghị định 50/2013/NĐ-CP và Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH; Thông tư 220/2013/TT-BTC; Công ty lập và trình hội đồng tiền lương của tỉnh thẩm định quỹ lương thực hiện năm 2015 và đã được Hội đồng thẩm định tiền lương tỉnh thông qua theo biên bản họp ngày 07/01/2016; Quyết định số 18/QĐ-CT ngày 26/01/2016 của Chủ tịch công ty về việc phê duyệt quyết toán tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động là 14.659.648.987 Đồng.

### 3. Thông tin so sánh

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở phí hồi tố, do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong Báo cáo tài chính của kỳ kế toán này.

### 4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2015

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2015 sau đây:

- Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế Giá trị gia tăng và Quản lý thuế tại nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số

## CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2015

điều của thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn luật thuế Giá trị gia tăng và Luật thuế Thu nhập cá nhân. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/7/2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi.
- Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Phạm Bảo Thu

Lê Phước

Phạm Văn Hương



Số: 15/2016/BCTC-NTV.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****KÍNH GỬI: CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC****CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH THUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 08 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

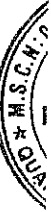
**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày;

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt**  
**Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh**



**Giám đốc - Võ Công Tuấn**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số: 0486-2014-124-1

**Kiểm toán viên – Nguyễn Hữu Thắng**

*Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
Số: 2818-2014-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2016

BAB  
ÔNG  
NHIE  
EM  
TÁ  
HI NI  
TP. HỒ  
T.P